

Họ và tên : .....  
 Lớp : .....

**KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI KÌ II**  
**Môn Tiếng Anh - Lớp 4**  
**( Thời gian làm bài: 40 phút)**

Marks	Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8	Total

**PART 1: LISTENING (20 Minutes)**

**I. Listen and match** (Em hãy nghe rồi nối với bức tranh tương ứng) (1pt)



A  
1

2

B  
3

4

5  
C



D

E

**II. Listen and number.** (Em hãy nghe rồi đánh số thứ tự 1,2,3,4 vào bức tranh theo thứ tự nội dung nghe được) (1pt)

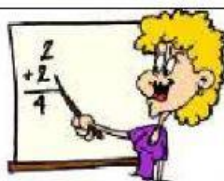
A




B




C











D



**III. Listen and complete.** ( Em hãy nghe và điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống) (2pts)

1. p_ n_c	2. sa_ s_ge
3. br_ _ d	4.c_me_a

**IV. Listen and tick** (Nghe và đánh dấu ✓ vào tranh mà em nghe được) (1pt)

<p>1. </p> <p>A <input type="checkbox"/> B <input type="checkbox"/></p>	<p>2.  </p> <p>A <input type="checkbox"/> B <input type="checkbox"/></p>
<p>3.  </p> <p>A <input type="checkbox"/> B <input type="checkbox"/></p>	<p>4.  </p> <p>A <input type="checkbox"/> B <input type="checkbox"/></p>

**PART II- READING AND WRITING ( ĐỌC VÀ VIẾT) (25 minutes)**

**V. Read and tick (✓) Y (yes) or N (no) (1pt)** ( Em hãy đọc rồi đánh dấu tick (✓) vào cột Y(yes) hoặc N(no).

My name is Nam. I'm ten years old. I'm a pupil at Le Van Tam Primary School. I'm in class 4A. There are twenty-two pupils in my class. I like reading very much. I often go to the library in my free time. My favourite subject is English. I usually play badminton with my friends in our breaktime because I love sports too.



	Yes	No
1. Nam is ten years old.		
2. There are twenty-three pupils in his class		
3. His favourite subject is Math.		
4. His favourite sport is badminton.		

**VI. Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box** (Em hãy nhìn tranh, đọc và đánh dấu ✓ hoặc ✗ vào ô vuông) (1pt)

1. This is an umbrella.

☐


2. It's a sausage.

☐


3. That is a crocodile

☐


4. That is a shirt.

☐


**VII. Look at the pictures and the letters. Write the words.** (Em hãy nhìn tranh và các chữ cái cho sẵn rồi sắp xếp lại thành từ đúng) (1pt)



1. menkoy

\_\_\_\_\_



2. eanjs

\_\_\_\_\_



3. mecara




\_\_\_\_\_



4. T-irtsh

\_\_\_\_\_

**VIII. Complete the sentences** (Hoàn thành các câu sau) (2pts)

1. What animal is that ?  It's a .....	
2. What's his job ?  He's a.....	
3. What's he wearing?  He's wearing a .....	
4. What's your favourite food ?  It's .....	